

Số: 924 /QĐ-UBND

Sơn La, ngày 23 tháng 04 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình  
và dịch vụ công trực tuyến một phần thuộc phạm vi, chức năng  
quản lý nhà nước của Sở Xây dựng**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;*

*Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 113/TTr-SXD ngày 21 tháng 4 năm 2025.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này danh mục 178 dịch vụ công trực tuyến (bao gồm: 100 dịch vụ công trực tuyến toàn trình, 62 dịch vụ công trực tuyến một phần); 16 TTHC không xác định dịch vụ công trực tuyến thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Xây dựng.

*(Có Phụ lục danh mục kèm theo)*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Sở Xây dựng, Văn phòng UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm như sau:

**1.** Sở Xây dựng tổ chức triển khai thực hiện dịch vụ công trực tuyến trên Hệ thống Thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh theo Danh mục được

phê duyệt. Thường xuyên rà soát, đánh giá, đề xuất phương án sửa đổi, bổ sung quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật liên quan, thực hiện tái cấu trúc quy trình, cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, dịch vụ công trực tuyến một phần thuộc phạm vi, chức năng quản lý trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định. Đẩy mạnh công tác phổ biến, thông tin, tuyên truyền, khuyến khích, thúc đẩy doanh nghiệp và người dân nộp hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và Hệ thống Thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh.

**2.** Văn phòng UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai, thực hiện dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan, đơn vị trên Hệ thống Thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan quản lý, vận hành Hệ thống Thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh đảm bảo hoạt động thông suốt và đáp ứng các yêu cầu về chức năng, kỹ thuật, an toàn, an ninh thông tin. Tích hợp, cung cấp Danh mục dịch vụ công trực tuyến đã được phê duyệt trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; phối hợp với các cơ quan, đơn vị cập nhật, hiệu chỉnh, bổ sung nội dung thông tin, biểu mẫu thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và Hệ thống Thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh.

**3.** Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan, đảm bảo các điều kiện về hạ tầng công nghệ thông tin; tiêu chuẩn kỹ thuật, chữ ký số và các điều kiện có liên quan để triển khai thực hiện việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến của tỉnh được thuận lợi, hiệu quả. Tham mưu, đề xuất UBND tỉnh các giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh, chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí đẩy mạnh công tác truyền thông về ý nghĩa, tầm quan trọng, các quy trình thực hiện dịch vụ công trực tuyến; truyền thông các mô hình tốt, cách làm hay, sáng tạo, hiệu quả trong triển khai thực hiện.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở: Xây dựng, Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ KHCN (Cục Chuyển đổi số) (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- VNPT tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC.Tr.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Hồng Minh**



**Phụ lục**

**DANH MỤC**

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH VÀ MỘT PHẦN  
THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ XÂY DỰNG**

*phụ lục kèm theo Quyết định số 924 /QĐ-UBND ngày 23 tháng 04 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)*

| TT | Tên thủ tục hành chính                                                                                                               | Mã số TTHC             | Cấp thực hiện | Cách thức thực hiện TTHC                  | Trực tuyến toàn trình[1] | Trực tuyến một phần[2] | Đề xuất nâng lên toàn trình | Không xác định là DVC trực tuyến[3] |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|---------------|-------------------------------------------|--------------------------|------------------------|-----------------------------|-------------------------------------|
| A  | <b>CẤP TỈNH: 124 TTHC</b>                                                                                                            |                        |               |                                           |                          |                        |                             |                                     |
| I  | <b>LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ</b>                                                                                                             |                        |               |                                           |                          |                        |                             |                                     |
| 1  | Cấp mới, cấp đổi, cấp lại biển hiệu cho xe ô tô vận tải khách du lịch                                                                | 1.008028.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh      | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích | x                        |                        |                             |                                     |
| 2  | Cấp giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ | 1.000028.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh      | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích | x                        |                        |                             |                                     |

| <b>TT</b> | <b>Tên thủ tục hành chính</b>                                                                                                                                                     | <b>Mã số TTHC</b>      | <b>Cấp thực hiện</b> | <b>Cách thức thực hiện TTHC</b>           | <b>Trực tuyến toàn trình[1]</b> | <b>Trực tuyến một phần[2]</b> | <b>Đề xuất nâng lên toàn trình</b> | <b>Không xác định là DVC trực tuyến[3]</b> |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|----------------------|-------------------------------------------|---------------------------------|-------------------------------|------------------------------------|--------------------------------------------|
| 3         | Đổi, cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng trường hợp Cơ sở đào tạo đã cấp Chứng chỉ không còn hoạt động | 2.000769.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh             | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích |                                 | x                             |                                    |                                            |
| 4         | Công bố đưa bến xe khách vào khai thác                                                                                                                                            | 1.000660.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh             | Trực tiếp, bưu chính công ích             |                                 | x                             |                                    |                                            |
| 5         | Công bố lại bến xe khách                                                                                                                                                          | 1.000672.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh             | Trực tiếp, bưu chính công ích             |                                 | x                             |                                    |                                            |
| 6         | Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ                                                                                                    | 1.000703.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh             | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích | x                               |                               |                                    |                                            |

| TT | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                                     | Mã số TTHC             | Cấp thực hiện | Cách thức thực hiện TTHC                  | Trực tuyến toàn trình[1] | Trực tuyến một phần[2] | Đề xuất nâng lên toàn trình | Không xác định là DVC trực tuyến[3] |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|---------------|-------------------------------------------|--------------------------|------------------------|-----------------------------|-------------------------------------|
| 7  | Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi | 2.002286.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh      | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích | x                        |                        |                             |                                     |
| 8  | Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng                                                         | 2.002287.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh      | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích | x                        |                        |                             |                                     |
| 9  | Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định                                                                                                                                         | 2.002285.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh      | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích | x                        |                        |                             |                                     |
| 10 | Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung                                                                                         | 1.010707.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh      | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích |                          | x                      |                             |                                     |

| <b>TT</b> | <b>Tên thủ tục hành chính</b>                                                                | <b>Mã số TTHC</b>      | <b>Cấp thực hiện</b> | <b>Cách thức thực hiện TTHC</b>           | <b>Trực tuyến toàn trình[1]</b> | <b>Trực tuyến một phần[2]</b> | <b>Đề xuất nâng lên toàn trình</b> | <b>Không xác định là DVC trực tuyến[3]</b> |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|----------------------|-------------------------------------------|---------------------------------|-------------------------------|------------------------------------|--------------------------------------------|
|           | ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới                                                      |                        |                      |                                           |                                 |                               |                                    |                                            |
| 11        | Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS | 1.002046.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh             | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích |                                 | x                             |                                    |                                            |
| 12        | Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia                   | 1.002286.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh             | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích |                                 | x                             |                                    |                                            |
| 13        | Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc                       | 1.001737.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh             | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích |                                 | x                             |                                    |                                            |
| 14        | Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào                              | 1.002063.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh             | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích |                                 | x                             |                                    |                                            |
| 15        | Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia                        | 1.001577.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh             | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích |                                 | x                             |                                    |                                            |

| <b>TT</b> | <b>Tên thủ tục hành chính</b>                                                                                                         | <b>Mã số TTHC</b>      | <b>Cấp thực hiện</b> | <b>Cách thức thực hiện TTHC</b>           | <b>Trực tuyến toàn trình[1]</b> | <b>Trực tuyến một phần[2]</b> | <b>Đề xuất nâng lên toàn trình</b> | <b>Không xác định là DVC trực tuyến[3]</b> |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|----------------------|-------------------------------------------|---------------------------------|-------------------------------|------------------------------------|--------------------------------------------|
| 16        | Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia                                                                       | 1.002877.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh             | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích | x                               |                               |                                    |                                            |
| 17        | Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia                                                                            | 1.001023.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh             | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích | x                               |                               |                                    |                                            |
| 18        | Cấp, cấp lại Phù hiệu cho xe ô tô, xe bốn bánh có gắn động cơ kinh doanh vận tải                                                      | 2.002288.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh             | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích | x                               |                               |                                    |                                            |
| 19        | Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia | 1.002268.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh             | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích | x                               |                               |                                    |                                            |
| 20        | Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào                                                                  | 1.002861.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh             | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích | x                               |                               |                                    |                                            |

| TT | Tên thủ tục hành chính                                                                                               | Mã số TTHC             | Cấp thực hiện | Cách thức thực hiện TTHC                  | Trực tuyến toàn trình[1] | Trực tuyến một phần[2] | Đề xuất nâng lên toàn trình | Không xác định là DVC trực tuyến[3] |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|---------------|-------------------------------------------|--------------------------|------------------------|-----------------------------|-------------------------------------|
| 21 | Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải liên vận giữa Việt Nam và Lào                                                         | 1.002856.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh      | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích |                          | x                      | x                           |                                     |
| 22 | Cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe                                                                   | 1.001765.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh      | Trực tiếp, bưu chính công ích             |                          | x                      |                             |                                     |
| 23 | Cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe                                                               | 1.004993.H52           | Cấp tỉnh      | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích |                          | x                      |                             |                                     |
| 24 | Cấp bổ sung xe tập lái, cấp lại Giấy phép xe tập lái                                                                 | 1.001751.H52           | Cấp tỉnh      | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích |                          | x                      |                             |                                     |
| 25 | Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo và thay đổi địa điểm đào tạo | 1.001623.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh      | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích |                          | x                      |                             |                                     |
| 26 | Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi về tên của cơ sở đào tạo                   | 1.005210.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh      | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích |                          | x                      |                             |                                     |

| <b>TT</b> | <b>Tên thủ tục hành chính</b>                                                          | <b>Mã số TTHC</b>      | <b>Cấp thực hiện</b> | <b>Cách thức thực hiện TTHC</b>           | <b>Trực tuyến toàn trình[1]</b> | <b>Trực tuyến một phần[2]</b> | <b>Đề xuất nâng lên toàn trình</b> | <b>Không xác định là DVC trực tuyến[3]</b> |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|----------------------|-------------------------------------------|---------------------------------|-------------------------------|------------------------------------|--------------------------------------------|
| 27        | Cấp Giấy phép đào tạo lái xe, cấp Giấy phép xe tập lái                                 | 1.001777.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh             | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích |                                 | x                             |                                    |                                            |
| 28        | Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy | 1.013105.H52           | Cấp tỉnh             | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích |                                 | x                             |                                    |                                            |
| 29        | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy | 1.013110.H52           | Cấp tỉnh             | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích |                                 | x                             |                                    |                                            |
| 30        | Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới                    | 1.001322.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh             | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích |                                 | x                             |                                    |                                            |
| 31        | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới                    | 1.001296.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh             | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích |                                 | x                             |                                    |                                            |

| TT | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                                                                                            | Mã số TTHC             | Cấp thực hiện | Cách thức thực hiện TTHC                  | Trực tuyến toàn trình[1] | Trực tuyến một phần[2] | Đề xuất nâng lên toàn trình | Không xác định là DVC trực tuyến[3] |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|---------------|-------------------------------------------|--------------------------|------------------------|-----------------------------|-------------------------------------|
| 32 | Chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ, đường bộ cao tốc đang khai thác thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giao thông vận tải | 2.001963.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh      | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích | x                        |                        |                             |                                     |
| 33 | Chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác                                                                                                                                                                             | 1.001046.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh      | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích |                          | x                      | x                           |                                     |
| 34 | Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác                                                                                                                                                                               | 1.001061.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh      | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích |                          | x                      | x                           |                                     |
| 35 | Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác                                                                                                                                                                                    | 1.013061.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh      | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích |                          | x                      | x                           |                                     |

| <b>TT</b> | <b>Tên thủ tục hành chính</b>                                                                                                                                                        | <b>Mã số TTHC</b> | <b>Cấp thực hiện</b> | <b>Cách thức thực hiện TTHC</b>           | <b>Trực tuyến toàn trình[1]</b> | <b>Trực tuyến một phần[2]</b> | <b>Đề xuất nâng lên toàn trình</b> | <b>Không xác định là DVC trực tuyến[3]</b> |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|----------------------|-------------------------------------------|---------------------------------|-------------------------------|------------------------------------|--------------------------------------------|
| 36        | Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác                                                                                                                       | 1.013274.H52      | Cấp tỉnh             | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích |                                 | x                             |                                    |                                            |
| 37        | Chấp thuận bổ sung vị trí nút giao đầu nối vào đường cao tốc                                                                                                                         | 1.013276.H52      | Cấp tỉnh             | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích |                                 | x                             |                                    |                                            |
| 38        | Chấp thuận đầu nối đối với trường hợp kết nối với đường bộ không có trong các quy hoạch                                                                                              | 1.013277.H52      | Cấp tỉnh             | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích |                                 | x                             |                                    |                                            |
| 39        | Phê duyệt phương án tổ chức giao thông trước khi đưa đường cao tốc vào khai thác; Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án tổ chức giao thông đường cao tốc trong thời gian khai thác | 1.002798.H52      | Cấp tỉnh             | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích |                                 | x                             |                                    |                                            |

| TT | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Mã số TTHC             | Cấp thực hiện | Cách thức thực hiện TTHC                  | Trực tuyến toàn trình[1] | Trực tuyến một phần[2] | Đề xuất nâng lên toàn trình | Không xác định là DVC trực tuyến[3] |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|---------------|-------------------------------------------|--------------------------|------------------------|-----------------------------|-------------------------------------|
| 40 | Chấp thuận vị trí đầu nối tạm vào đường bộ đang khai thác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 1.000314.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh      | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích |                          | x                      |                             |                                     |
| 41 | Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ | 2.001921.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh      | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích |                          | x                      | x                           |                                     |

| TT        | Tên thủ tục hành chính                                                                 | Mã số TTHC             | Cấp thực hiện | Cách thức thực hiện TTHC                  | Trực tuyến toàn trình[1] | Trực tuyến một phần[2] | Đề xuất nâng lên toàn trình | Không xác định là DVC trực tuyến[3] |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|---------------|-------------------------------------------|--------------------------|------------------------|-----------------------------|-------------------------------------|
| 42        | Cấp Giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh                                            | 1.002693.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh      | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích | x                        |                        |                             |                                     |
| <b>II</b> | <b>LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY</b>                                                             |                        |               |                                           |                          |                        |                             |                                     |
| 43        | Cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn     | 1.003135.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh      | Trực tuyến, Trực tiếp, bưu chính công ích | x                        |                        |                             |                                     |
| 44        | Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa | 1.004088.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh      | Trực tuyến, Trực tiếp, bưu chính công ích | x                        |                        |                             |                                     |
| 45        | Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa | 1.004047.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh      | Trực tuyến, Trực tiếp, bưu chính công ích | x                        |                        |                             |                                     |
| 46        | Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật  | 2.001711.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh      | Trực tuyến, Trực tiếp, bưu chính công ích | x                        |                        |                             |                                     |

| TT | Tên thủ tục hành chính                                                                                                      | Mã số TTHC             | Cấp thực hiện | Cách thức thực hiện TTHC                  | Trực tuyến toàn trình[1] | Trực tuyến một phần[2] | Đề xuất nâng lên toàn trình | Không xác định là DVC trực tuyến[3] |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|---------------|-------------------------------------------|--------------------------|------------------------|-----------------------------|-------------------------------------|
| 47 | Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa       | 1.004036.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh      | Trực tuyến, Trực tiếp, bưu chính công ích | x                        |                        |                             |                                     |
| 48 | Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện   | 1.004002.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh      | Trực tuyến, Trực tiếp, bưu chính công ích | x                        |                        |                             |                                     |
| 49 | Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện     | 1.003970.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh      | Trực tuyến, Trực tiếp, bưu chính công ích | x                        |                        |                             |                                     |
| 50 | Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương | 1.006391.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh      | Trực tuyến, Trực tiếp, bưu chính công ích | x                        |                        |                             |                                     |

| TT | Tên thủ tục hành chính                                                                                                | Mã số TTHC             | Cấp thực hiện | Cách thức thực hiện TTHC                  | Trực tuyến toàn trình[1] | Trực tuyến một phần[2] | Đề xuất nâng lên toàn trình | Không xác định là DVC trực tuyến[3] |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|---------------|-------------------------------------------|--------------------------|------------------------|-----------------------------|-------------------------------------|
|    | tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác                                                                             |                        |               |                                           |                          |                        |                             |                                     |
| 51 | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện                                                                           | 1.003930.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh      | Trực tuyến, Trực tiếp, bưu chính công ích | x                        |                        |                             |                                     |
| 52 | Xóa đăng ký phương tiện                                                                                               | 2.001659.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh      | Trực tuyến, Trực tiếp, bưu chính công ích | x                        |                        |                             |                                     |
| 53 | Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa     | 2.002001.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh      | Trực tuyến, Trực tiếp, bưu chính công ích |                          | x                      |                             |                                     |
| 54 | Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa | 2.001998.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh      | Trực tuyến, Trực tiếp, bưu chính công ích |                          | x                      |                             |                                     |

| TT | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                   | Mã số TTHC             | Cấp thực hiện | Cách thức thực hiện TTHC                  | Thực tuyển toàn trình[1] | Thực tuyển một phần[2] | Đề xuất nâng lên toàn trình | Không xác định là DVC trực tuyển[3] |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|---------------|-------------------------------------------|--------------------------|------------------------|-----------------------------|-------------------------------------|
| 55 | Chấp thuận hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước tại vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải | 2.001219.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh      | Thực tuyển, Trực tiếp, bưu chính công ích |                          | x                      |                             |                                     |
| 56 | Đổi tên cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu                                                                                              | 1.009443.H52           | Cấp tỉnh      | Trực tiếp, bưu chính công ích             |                          |                        |                             | x                                   |
| 57 | Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa                                                                                                 | 1.009444.H52           | Cấp tỉnh      | Trực tiếp, bưu chính công ích             |                          |                        |                             | x                                   |
| 58 | Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa                                                                                                      | 1.009447.H52           | Cấp tỉnh      | Trực tiếp, bưu chính công ích             |                          |                        |                             | x                                   |
| 59 | Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa (Trên vùng nước chưa được tổ chức quản lý nhưng có hoạt động vận tải trên địa bàn tỉnh)    | 1.009464.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh      | Trực tiếp, bưu chính công ích             |                          |                        |                             | x                                   |

| TT         | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                                                                                        | Mã số TTHC             | Cấp thực hiện | Cách thức thực hiện TTHC                  | Trực tuyến toàn trình[1] | Trực tuyến một phần[2] | Đề xuất nâng lên toàn trình | Không xác định là DVC trực tuyến[3] |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|---------------|-------------------------------------------|--------------------------|------------------------|-----------------------------|-------------------------------------|
| 60         | Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông (Trên vùng nước chưa được tổ chức quản lý nhưng có hoạt động vận tải trên địa bàn tỉnh)                                                                                                       | 1.009465.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh      | Trực tiếp, bưu chính công ích             |                          |                        |                             | x                                   |
| <b>III</b> | <b>LĨNH VỰC QUY HOẠCH</b>                                                                                                                                                                                                                     |                        |               |                                           |                          |                        |                             |                                     |
| 61         | Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng của UBND cấp tỉnh                                                                                                                                                                                    | 1.008432.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh      | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích |                          | x                      | x                           |                                     |
| 62         | Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh (riêng với quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù, chỉ áp | 1.002701.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh      | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích | x                        |                        |                             |                                     |

| TT | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Mã số TTHC             | Cấp thực hiện | Cách thức thực hiện TTHC                  | Trực tuyến toàn trình[1] | Trực tuyến một phần[2] | Đề xuất nâng lên toàn trình | Không xác định là DVC trực tuyến[3] |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|---------------|-------------------------------------------|--------------------------|------------------------|-----------------------------|-------------------------------------|
|    | dụng đối với khu vực quan trọng liên quan đến vấn đề phát triển kinh tế, an ninh quốc phòng)                                                                                                                                                                                                                                         |                        |               |                                           |                          |                        |                             |                                     |
| 63 | Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh (riêng với quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù, chỉ áp dụng đối với khu vực quan trọng liên quan đến vấn đề phát triển kinh tế, an ninh quốc phòng) | 1.003011.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh      | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích | x                        |                        |                             |                                     |
| 64 | Cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 1.008891.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh      | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích | x                        |                        |                             |                                     |

| <b>TT</b> | <b>Tên thủ tục hành chính</b>                                                                                                                               | <b>Mã số TTHC</b>      | <b>Cấp thực hiện</b> | <b>Cách thức thực hiện TTHC</b>           | <b>Trực tuyến toàn trình[1]</b> | <b>Trực tuyến một phần[2]</b> | <b>Đề xuất nâng lên toàn trình</b> | <b>Không xác định là DVC trực tuyến[3]</b> |
|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|----------------------|-------------------------------------------|---------------------------------|-------------------------------|------------------------------------|--------------------------------------------|
| 65        | Cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp chứng chỉ hành nghề                                                                 | 1.008990.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh             | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích | x                               |                               |                                    |                                            |
| 66        | Cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc (do chứng chỉ hành nghề bị mất, hư hỏng hoặc thay đổi thông tin cá nhân được ghi trong chứng chỉ hành nghề kiến trúc) | 1.008989.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh             | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích | x                               |                               |                                    |                                            |
| 67        | Thủ tục gia hạn chứng chỉ hành nghề kiến trúc                                                                                                               | 1.008991.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh             | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích | x                               |                               |                                    |                                            |
| 68        | Công nhận chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam                                                                                     | 1.008992.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh             | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích | x                               |                               |                                    |                                            |
| 69        | Chuyển đổi chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam                                                                                    | 1.008993.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh             | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích | x                               |                               |                                    |                                            |

| TT        | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                               | Mã số TTHC             | Cấp thực hiện | Cách thức thực hiện TTHC                  | Trực tuyến toàn trình[1] | Trực tuyến một phần[2] | Đề xuất nâng lên toàn trình | Không xác định là DVC trực tuyến[3] |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|---------------|-------------------------------------------|--------------------------|------------------------|-----------------------------|-------------------------------------|
| <b>IV</b> | <b>LĨNH VỰC VẬT LIỆU XÂY DỰNG</b>                                                                                                                                    |                        |               |                                           |                          |                        |                             |                                     |
| 70        | Công bố hợp quy sản phẩm hàng hóa vật liệu xây dựng                                                                                                                  | 1.006871.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh      | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích | x                        |                        |                             |                                     |
| <b>V</b>  | <b>LĨNH VỰC NHÀ Ở VÀ CÔNG SỞ</b>                                                                                                                                     |                        |               |                                           |                          |                        |                             |                                     |
| 71        | Thủ tục chuyển đổi công năng nhà ở đối với nhà ở xây dựng trong dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh                                                  | 1.012883.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh      | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích | x                        |                        |                             |                                     |
| 72        | Thông báo đủ điều kiện được huy động vốn thông qua việc góp vốn, hợp tác đầu tư, hợp tác kinh doanh, liên doanh, liên kết của tổ chức và cá nhân để phát triển nhà ở | 1.012882.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh      | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích | x                        |                        |                             |                                     |
| 73        | Thông báo đơn vị đủ điều kiện quản lý vận hành nhà chung cư đối với trường                                                                                           | 1.012884.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh      | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích | x                        |                        |                             |                                     |

| <b>TT</b> | <b>Tên thủ tục hành chính</b>                                                                                                                         | <b>Mã số TTHC</b>      | <b>Cấp thực hiện</b> | <b>Cách thức thực hiện TTHC</b>           | <b>Trực tuyến toàn trình[1]</b> | <b>Trực tuyến một phần[2]</b> | <b>Đề xuất nâng lên toàn trình</b> | <b>Không xác định là DVC trực tuyến[3]</b> |
|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|----------------------|-------------------------------------------|---------------------------------|-------------------------------|------------------------------------|--------------------------------------------|
|           | hợp nộp hồ sơ tại Sở Xây dựng                                                                                                                         |                        |                      |                                           |                                 |                               |                                    |                                            |
| 74        | Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư không bằng nguồn vốn đầu tư công            | 1.012885.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh             | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích | x                               |                               |                                    |                                            |
| 75        | Điều chỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư không bằng nguồn vốn đầu tư công | 1.012886.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh             | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích | x                               |                               |                                    |                                            |
| 76        | Đề xuất cơ chế ưu đãi đầu tư theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 198 của Luật Nhà ở 2023                                                            | 1.012887.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh             | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích | x                               |                               |                                    |                                            |

| <b>TT</b> | <b>Tên thủ tục hành chính</b>                                                        | <b>Mã số TTHC</b>      | <b>Cấp thực hiện</b> | <b>Cách thức thực hiện TTHC</b>           | <b>Trực tuyến toàn trình[1]</b> | <b>Trực tuyến một phần[2]</b> | <b>Đề xuất nâng lên toàn trình</b> | <b>Không xác định là DVC trực tuyến[3]</b> |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|----------------------|-------------------------------------------|---------------------------------|-------------------------------|------------------------------------|--------------------------------------------|
| 77        | Gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở tại Việt Nam cho cá nhân, tổ chức nước ngoài           | 1.012890.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh             | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích | x                               |                               |                                    |                                            |
| 78        | Cho thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương                       | 1.012891.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh             | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích | x                               |                               |                                    |                                            |
| 79        | Cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp chưa có hợp đồng thuê nhà ở  | 1.012892.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh             | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích | x                               |                               |                                    |                                            |
| 80        | Cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp nhận chuyển quyền thuê nhà ở | 1.012897.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh             | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích | x                               |                               |                                    |                                            |
| 81        | Cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường ký lại hợp đồng thuê             | 1.012898.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh             | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích | x                               |                               |                                    |                                            |
| 82        | Thủ tục bán nhà ở cũ thuộc tài sản công                                              | 1.012893.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh             | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích | x                               |                               |                                    |                                            |

| TT        | Tên thủ tục hành chính                                                               | Mã số TTHC             | Cấp thực hiện | Cách thức thực hiện TTHC                  | Trực tuyến toàn trình[1] | Trực tuyến một phần[2] | Đề xuất nâng lên toàn trình | Không xác định là DVC trực tuyến[3] |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|---------------|-------------------------------------------|--------------------------|------------------------|-----------------------------|-------------------------------------|
| 83        | Giải quyết bán phần diện tích nhà đất sử dụng chung của nhà ở cũ thuộc tài sản công  | 1.012894.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh      | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích | x                        |                        |                             |                                     |
| 84        | Thẩm định giá bán, giá thuê mua nhà ở xã hội/nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân   | 1.012895.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh      | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích | x                        |                        |                             |                                     |
| 85        | Cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội do Nhà nước đầu tư xây dựng bằng vốn đầu tư công | 1.012896.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh      | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích | x                        |                        |                             |                                     |
| <b>VI</b> | <b>LĨNH VỰC KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN</b>                                              |                        |               |                                           |                          |                        |                             |                                     |
| 86        | Cấp Giấy phép hoạt động của Sàn giao dịch bất động sản                               | 1.012900.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh      | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích | x                        |                        |                             |                                     |

| <b>TT</b> | <b>Tên thủ tục hành chính</b>                                                                                                          | <b>Mã số TTHC</b>      | <b>Cấp thực hiện</b> | <b>Cách thức thực hiện TTHC</b>           | <b>Trực tuyến toàn trình[1]</b> | <b>Trực tuyến một phần[2]</b> | <b>Đề xuất nâng lên toàn trình</b> | <b>Không xác định là DVC trực tuyến[3]</b> |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|----------------------|-------------------------------------------|---------------------------------|-------------------------------|------------------------------------|--------------------------------------------|
| 87        | Cấp lại giấy phép hoạt động của Sàn giao dịch bất động sản (trong trường hợp Giấy phép bị mất, bị rách, bị cháy, bị tiêu hủy, bị hỏng) | 1.012901.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh             | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích | x                               |                               |                                    |                                            |
| 88        | Cấp lại giấy phép hoạt động của Sàn giao dịch bất động sản (trong trường hợp thay đổi thông tin của sàn)                               | 1.012902.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh             | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích | x                               |                               |                                    |                                            |
| 89        | Thông báo quyền sử dụng đất đã có hạ tầng kỹ thuật trong dự án bất động sản đủ điều kiện chuyển nhượng cho cá nhân tự xây dựng nhà ở   | 1.012903.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh             | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích | x                               |                               |                                    |                                            |
| 90        | Đăng ký cấp quyền khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản thuộc thẩm                                 | 1.012904.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh             | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích | x                               |                               |                                    |                                            |

| TT | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                              | Mã số TTHC             | Cấp thực hiện | Cách thức thực hiện TTHC                  | Trực tuyến toàn trình[1] | Trực tuyến một phần[2] | Đề xuất nâng lên toàn trình | Không xác định là DVC trực tuyến[3] |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|---------------|-------------------------------------------|--------------------------|------------------------|-----------------------------|-------------------------------------|
|    | quyền giải quyết của UBND tỉnh                                                                                                                                      |                        |               |                                           |                          |                        |                             |                                     |
| 91 | Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản do UBND cấp tỉnh quyết định việc đầu tư                                                                      | 1.012911.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh      | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích | x                        |                        |                             |                                     |
| 92 | Thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, cho thuê mua                                                                                      | 1.012905.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh      | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích | x                        |                        |                             |                                     |
| 93 | Cấp mới chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản                                                                                                                   | 1.012906.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh      | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích | x                        |                        |                             |                                     |
| 94 | Cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản (Trường hợp chứng chỉ bị mất, bị rách, bị cháy, bị hủy hoại chứng chỉ do thiên tai hoặc lý do bất khả kháng khác) | 1.012907.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh      | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích | x                        |                        |                             |                                     |

| TT         | Tên thủ tục hành chính                                                                                                | Mã số TTHC             | Cấp thực hiện | Cách thức thực hiện TTHC                  | Trực tuyến toàn trình[1] | Trực tuyến một phần[2] | Đề xuất nâng lên toàn trình | Không xác định là DVC trực tuyến[3] |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|---------------|-------------------------------------------|--------------------------|------------------------|-----------------------------|-------------------------------------|
| 95         | Cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản (trường hợp chứng chỉ cũ bị hết hạn hoặc sắp hết hạn)               | 1.012910.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh      | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích | x                        |                        |                             |                                     |
| <b>VII</b> | <b>LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG</b>                                                                                    |                        |               |                                           |                          |                        |                             |                                     |
| 96         | Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh            | 1.013239.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh      | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích | x                        |                        |                             |                                     |
| 97         | Thẩm định Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh; | 1.013234.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh      | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích | x                        |                        |                             |                                     |

| <b>TT</b> | <b>Tên thủ tục hành chính</b>                                                                                                                                                                                                                                                                 | <b>Mã số TTHC</b>      | <b>Cấp thực hiện</b> | <b>Cách thức thực hiện TTHC</b>           | <b>Trực tuyến toàn trình[1]</b> | <b>Trực tuyến một phần[2]</b> | <b>Đề xuất nâng lên toàn trình</b> | <b>Không xác định là DVC trực tuyến[3]</b> |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|----------------------|-------------------------------------------|---------------------------------|-------------------------------|------------------------------------|--------------------------------------------|
| 98        | Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) | 1.013236.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh             | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích |                                 | x                             |                                    |                                            |
| 99        | Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến /Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn                                  | 1.013238.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh             | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích |                                 | x                             |                                    |                                            |

| TT  | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                                                                                                                                 | Mã số TTHC             | Cấp thực hiện | Cách thức thực hiện TTHC                  | Trực tuyển toàn trình[1] | Trực tuyển một phần[2] | Đề xuất nâng lên toàn trình | Không xác định là DVC trực tuyển[3] |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|---------------|-------------------------------------------|--------------------------|------------------------|-----------------------------|-------------------------------------|
|     | cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án)                                                                                                                                                                                                                                          |                        |               |                                           |                          |                        |                             |                                     |
| 100 | Cấp giấy phép di dời đổi với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) | 1.013230.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh      | Trực tuyển, trực tiếp, bưu chính công ích |                          | x                      |                             |                                     |

| <b>TT</b> | <b>Tên thủ tục hành chính</b>                                                                                                                                                                                                                                                                       | <b>Mã số TTHC</b>      | <b>Cấp thực hiện</b> | <b>Cách thức thực hiện TTHC</b>           | <b>Trực tuyến toàn trình[1]</b> | <b>Trực tuyến một phần[2]</b> | <b>Đề xuất nâng lên toàn trình</b> | <b>Không xác định là DVC trực tuyến[3]</b> |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|----------------------|-------------------------------------------|---------------------------------|-------------------------------|------------------------------------|--------------------------------------------|
| 101       | Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) | 1.013231.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh             | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích |                                 | x                             |                                    |                                            |
| 102       | Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn                                                      | 1.013233.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh             | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích | x                               |                               |                                    |                                            |

| TT  | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Mã số TTHC             | Cấp thực hiện | Cách thức thực hiện TTHC                  | Trực tuyến toàn trình[1] | Trực tuyến một phần[2] | Đề xuất nâng lên toàn trình | Không xác định là DVC trực tuyến[3] |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|---------------|-------------------------------------------|--------------------------|------------------------|-----------------------------|-------------------------------------|
|     | cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án)                                                                                                                                                                                                                                                             |                        |               |                                           |                          |                        |                             |                                     |
| 103 | Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II trong đô thị (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) | 1.013235.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh      | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích | x                        |                        |                             |                                     |
| 104 | Cấp mới chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                            | 1.013237.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh      | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích | x                        |                        |                             |                                     |
| 105 | Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                            | 1.013217.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh      | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích | x                        |                        |                             |                                     |

[illegible]

| <b>TT</b> | <b>Tên thủ tục hành chính</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                               | <b>Mã số TTHC</b>      | <b>Cấp thực hiện</b> | <b>Cách thức thực hiện TTHC</b>           | <b>Trực tuyến toàn trình[1]</b> | <b>Trực tuyến một phần[2]</b> | <b>Đề xuất nâng lên toàn trình</b> | <b>Không xác định là DVC trực tuyến[3]</b> |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|----------------------|-------------------------------------------|---------------------------------|-------------------------------|------------------------------------|--------------------------------------------|
| 111       | Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp: Cấp lần đầu hoặc Giấy chứng nhận hết hạn mà tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng có nhu cầu tiếp tục hoạt động)                                                                                            | 1.011705.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh             | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích |                                 | x                             |                                    |                                            |
| 112       | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (còn thời hạn nhưng bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị ghi sai thông tin hoặc tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng xin dừng thực hiện một số chỉ tiêu trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng) | 1.011708.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh             | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích | x                               |                               |                                    |                                            |

| <b>TT</b> | <b>Tên thủ tục hành chính</b>                                                                                                                                                                                                                                                                  | <b>Mã số TTHC</b>      | <b>Cấp thực hiện</b> | <b>Cách thức thực hiện TTHC</b>           | <b>Trực tuyến toàn trình[1]</b> | <b>Trực tuyến một phần[2]</b> | <b>Đề xuất nâng lên toàn trình</b> | <b>Không xác định là DVC trực tuyến[3]</b> |
|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|----------------------|-------------------------------------------|---------------------------------|-------------------------------|------------------------------------|--------------------------------------------|
| 114       | Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thay đổi địa chỉ, tên của tổ chức trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng đã được cấp) | 1.011710.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh             | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích | x                               |                               |                                    |                                            |
| 115       | Bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thay đổi địa điểm đặt phòng thí nghiệm hoặc                                                                                      | 1.011711.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh             | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích |                                 | x                             |                                    |                                            |

| TT        | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                               | Mã số TTHC             | Cấp thực hiện | Cách thức thực hiện TTHC                  | Trực tuyển toàn trình[1] | Trực tuyển một phần[2] | Đề xuất nâng lên toàn trình | Không xác định là DVC trực tuyển[3] |
|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|---------------|-------------------------------------------|--------------------------|------------------------|-----------------------------|-------------------------------------|
|           | thay đổi, bổ sung, sửa đổi chỉ tiêu thí nghiệm, tiêu chuẩn thí nghiệm trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng) |                        |               |                                           |                          |                        |                             |                                     |
| <b>IX</b> | <b>LĨNH VỰC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP XÂY DỰNG</b>                                                                                                           |                        |               |                                           |                          |                        |                             |                                     |
| 116       | Miễn nhiệm và thu hồi thẻ giám định viên tư pháp xây dựng ở địa phương                                                                               | 1.011675.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh      | Trực tuyển, trực tiếp, bưu chính công ích | x                        |                        |                             |                                     |
| 117       | Bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp xây dựng ở địa phương                                                                                     | 2.001116.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh      | Trực tuyển, trực tiếp, bưu chính công ích | x                        |                        |                             |                                     |
| <b>X</b>  | <b>LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG</b>                                                                                                                   |                        |               |                                           |                          |                        |                             |                                     |
| 118       | Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng tại địa phương                                                 | 1.009794.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh      | Trực tuyển, trực tiếp, bưu chính công ích |                          | x                      |                             |                                     |

| TT        | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                  | Mã số TTHC             | Cấp thực hiện | Cách thức thực hiện TTHC                  | Trực tuyến toàn trình[1] | Trực tuyến một phần[2] | Đề xuất nâng lên toàn trình | Không xác định là DVC trực tuyến[3] |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|---------------|-------------------------------------------|--------------------------|------------------------|-----------------------------|-------------------------------------|
| <b>IX</b> | <b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC XÂY DỰNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG</b>                                |                        |               |                                           |                          |                        |                             |                                     |
| 119       | Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ                                                                               | 1.013259.H52           | Cấp tỉnh      | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích |                          | x                      |                             |                                     |
| 120       | Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa                                                               | 2.002615.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh      | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích |                          | x                      |                             |                                     |
| 121       | Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép | 1.013260.H52           | Cấp tỉnh      | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích |                          | x                      |                             |                                     |
| 122       | Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa khi có sự thay đổi liên quan            | 2.002616.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh      | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích |                          | x                      |                             |                                     |

| TT       | Tên thủ tục hành chính                                                                                                        | Mã số TTHC             | Cấp thực hiện | Cách thức thực hiện TTHC                  | Trực tuyến toàn trình[1] | Trực tuyến một phần[2] | Đề xuất nâng lên toàn trình | Không xác định là DVC trực tuyến[3] |
|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|---------------|-------------------------------------------|--------------------------|------------------------|-----------------------------|-------------------------------------|
|          | đến nội dung của Giấy phép                                                                                                    |                        |               |                                           |                          |                        |                             |                                     |
| 123      | Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ                                                                 | 1.013261.H52           | Cấp tỉnh      | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích |                          | x                      |                             |                                     |
| 124      | Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa do bị mất, bị hỏng                              | 2.002617.000.00.00.H52 | Cấp tỉnh      | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích |                          | x                      |                             |                                     |
| <b>B</b> | <b>CẤP HUYỆN: 38 TTHC</b>                                                                                                     |                        |               |                                           |                          |                        |                             |                                     |
| <b>I</b> | <b>LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ</b>                                                                                                      |                        |               |                                           |                          |                        |                             |                                     |
| 1        | Chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức thi công của nút giao đầu nối vào các tuyến đường do UBND cấp huyện quản lý | 1.001046.000.00.00.H52 | Cấp huyện     | Trực tiếp, bưu chính công ích             |                          |                        |                             | x                                   |

| TT | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                     | Mã số TTHC             | Cấp thực hiện | Cách thức thực hiện TTHC                  | Trực tuyến toàn trình[1] | Trực tuyến một phần[2] | Đề xuất nâng lên toàn trình | Không xác định là DVC trực tuyến[3] |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|---------------|-------------------------------------------|--------------------------|------------------------|-----------------------------|-------------------------------------|
| 2  | Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào các tuyến đường do UBND cấp huyện quản lý                                                                                           | 1.001061.000.00.00.H52 | Cấp huyện     | Trực tiếp, bưu chính công ích             |                          |                        |                             | x                                   |
| 3  | Chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ do UBND huyện quản lý | 2.001963.000.00.00.H52 | Cấp huyện     | Trực tiếp, bưu chính công ích             |                          |                        |                             | x                                   |
| 4  | Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác                                                                                                             | 1.013274.H52           | Cấp huyện     | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích |                          | x                      |                             |                                     |
| 5  | Chấp thuận vị trí đầu nối tạm vào đường bộ đang khai thác                                                                                                                  | 1.000314.000.00.00.H52 | Cấp huyện     | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích |                          | x                      |                             |                                     |
| 6  | Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng                                                                                               | 2.001921.000.00.00.H52 | Cấp huyện     | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích |                          | x                      |                             |                                     |

| TT        | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Mã số TTHC             | Cấp thực hiện | Cách thức thực hiện TTHC                  | Trực tuyến toàn trình[1] | Trực tuyến một phần[2] | Đề xuất nâng lên toàn trình | Không xác định là DVC trực tuyến[3] |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|---------------|-------------------------------------------|--------------------------|------------------------|-----------------------------|-------------------------------------|
|           | cáo, biến thông tin cô động, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ |                        |               |                                           |                          |                        |                             |                                     |
| 7         | Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác                                                                                                                                                                                                                                                                               | 1.013061.000.00.00.H52 | Cấp huyện     | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích |                          | x                      |                             |                                     |
| <b>II</b> | <b>LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                        |               |                                           |                          |                        |                             |                                     |
| 8         | Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa                                                                                                                                                                                                                                                       | 1.004088.000.00.00.H52 | Cấp huyện     | Trực tuyến, Trực tiếp, bưu chính công ích | x                        |                        |                             |                                     |

| TT | Tên thủ tục hành chính                                                                                                    | Mã số TTHC             | Cấp thực hiện | Cách thức thực hiện TTHC                  | Trực tuyến toàn trình[1] | Trực tuyến một phần[2] | Đề xuất nâng lên toàn trình | Không xác định là DVC trực tuyến[3] |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|---------------|-------------------------------------------|--------------------------|------------------------|-----------------------------|-------------------------------------|
| 9  | Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa                                    | 1.004047.000.00.00.H52 | Cấp huyện     | Trực tuyến, Trực tiếp, bưu chính công ích | x                        |                        |                             |                                     |
| 10 | Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật                                     | 2.001711.000.00.00.H52 | Cấp huyện     | Trực tuyến, Trực tiếp, bưu chính công ích | x                        |                        |                             |                                     |
| 11 | Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa     | 1.004036.000.00.00.H52 | Cấp huyện     | Trực tuyến, Trực tiếp, bưu chính công ích | x                        |                        |                             |                                     |
| 12 | Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện | 1.004002.000.00.00.H52 | Cấp huyện     | Trực tuyến, Trực tiếp, bưu chính công ích | x                        |                        |                             |                                     |
| 13 | Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện                                                  | 1.003970.000.00.00.H52 | Cấp huyện     | Trực tuyến, Trực tiếp, bưu chính công ích | x                        |                        |                             |                                     |

| TT | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                | Mã số TTHC             | Cấp thực hiện | Cách thức thực hiện TTHC                  | Trực tuyến toàn trình[1] | Trực tuyến một phần[2] | Đề xuất nâng lên toàn trình | Không xác định là DVC trực tuyến[3] |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|---------------|-------------------------------------------|--------------------------|------------------------|-----------------------------|-------------------------------------|
|    | đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện                                                                                                                        |                        |               |                                           |                          |                        |                             |                                     |
| 14 | Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác | 1.006391.000.00.00.H52 | Cấp huyện     | Trực tuyến, Trực tiếp, bưu chính công ích | x                        |                        |                             |                                     |
| 15 | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện                                                                                                                           | 1.003930.000.00.00.H52 | Cấp huyện     | Trực tuyến, Trực tiếp, bưu chính công ích | x                        |                        |                             |                                     |
| 16 | Xóa đăng ký phương tiện                                                                                                                                               | 2.001659.000.00.00.H52 | Cấp huyện     | Trực tuyến, Trực tiếp, bưu chính công ích | x                        |                        |                             |                                     |
| 17 | Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bên khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính                                                        | 1.013043.H52           | Cấp huyện     | Trực tiếp, bưu chính công ích             |                          |                        |                             | x                                   |

| TT | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                                                                         | Mã số TTHC             | Cấp thực hiện | Cách thức thực hiện TTHC                  | Trực tuyến toàn trình[1] | Trực tuyến một phần[2] | Đề xuất nâng lên toàn trình | Không xác định là DVC trực tuyến[3] |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|---------------|-------------------------------------------|--------------------------|------------------------|-----------------------------|-------------------------------------|
| 18 | Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính                                                                                                                                     | 1009455.H52            | Cấp huyện     | Trực tiếp, bưu chính công ích             |                          |                        |                             | x                                   |
| 19 | Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa                                                                                                                                                                                         | 1.003658.H52           | Cấp huyện     | Trực tiếp, bưu chính công ích             |                          |                        |                             | x                                   |
| 20 | Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa                                                                                                                                                                         | 1.009452.H52           | Cấp huyện     | Trực tiếp, bưu chính công ích             |                          |                        |                             | x                                   |
| 21 | Công bố hoạt động bến thủy nội địa                                                                                                                                                                                             | 1.013044.H52           | Cấp huyện     | Trực tiếp, bưu chính công ích             |                          |                        |                             | x                                   |
| 22 | Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát | 2.001218.000.00.00.H52 | Cấp huyện     | Trực tuyến, Trực tiếp, bưu chính công ích | x                        |                        |                             |                                     |

| TT | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                                                                         | Mã số TTHC             | Cấp thực hiện | Cách thức thực hiện TTHC                  | Trực tuyến toàn trình[1] | Trực tuyến một phần[2] | Đề xuất nâng lên toàn trình | Không xác định là DVC trực tuyến[3] |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|---------------|-------------------------------------------|--------------------------|------------------------|-----------------------------|-------------------------------------|
| 23 | Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát | 2.001217.000.00.00.H52 | Cấp huyện     | Trực tuyến, Trực tiếp, bưu chính công ích | x                        |                        |                             |                                     |
| 24 | Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu                                                                                                                                                             | 2.001215.000.00.00.H52 | Cấp huyện     | Trực tuyến, Trực tiếp, bưu chính công ích | x                        |                        |                             |                                     |
| 25 | Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước                                                                                                                                                                 | 2.001214.000.00.00.H52 | Cấp huyện     | Trực tuyến, Trực tiếp, bưu chính công ích | x                        |                        |                             |                                     |
| 26 | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước                                                                                                                                             | 2.001212.000.00.00.H52 | Cấp huyện     | Trực tuyến, Trực tiếp, bưu chính công ích | x                        |                        |                             |                                     |

| TT         | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                                        | Mã số TTHC             | Cấp thực hiện | Cách thức thực hiện TTHC                  | Trực tuyến toàn trình[1] | Trực tuyến một phần[2] | Đề xuất nâng lên toàn trình | Không xác định là DVC trực tuyến[3] |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|---------------|-------------------------------------------|--------------------------|------------------------|-----------------------------|-------------------------------------|
| 27         | Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước                                                                                                                                | 2.001211.000.00.00.H52 | Cấp huyện     | Trực tuyến, Trực tiếp, bưu chính công ích | x                        |                        |                             |                                     |
| <b>III</b> | <b>LĨNH VỰC QUY HOẠCH</b>                                                                                                                                                                     |                        |               |                                           |                          |                        |                             |                                     |
| 28         | Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng của UBND cấp huyện                                                                                                                                   | 1.008455.000.00.00.H52 | Cấp huyện     | Trực tuyến, bưu chính công ích            |                          | x                      | x                           |                                     |
| 29         | Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện, thành phố | 1.002662.000.00.00.H52 | Cấp huyện     | Trực tuyến, bưu chính công ích            | x                        |                        |                             |                                     |



| TT | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                                                                                                                                               | Mã số TTHC             | Cấp thực hiện | Cách thức thực hiện TTHC                  | Trực tuyến toàn trình[1] | Trực tuyến một phần[2] | Đề xuất nâng lên toàn trình | Không xác định là DVC trực tuyến[3] |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|---------------|-------------------------------------------|--------------------------|------------------------|-----------------------------|-------------------------------------|
| 32 | Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ. | 1.013225.000.00.00.H52 | Cấp huyện     | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích |                          | x                      |                             |                                     |
| 33 | Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không                                                                               | 1.013229.000.00.00.H52 | Cấp huyện     | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích |                          | x                      |                             |                                     |

| TT | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Mã số TTHC             | Cấp thực hiện | Cách thức thực hiện TTHC                  | Trực tuyển toàn trình[1] | Trực tuyển một phần[2] | Đề xuất nâng lên toàn trình | Không xác định là DVC trực tuyển[3] |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|---------------|-------------------------------------------|--------------------------|------------------------|-----------------------------|-------------------------------------|
|    | theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.                                                                                                                                                                                                                             |                        |               |                                           |                          |                        |                             |                                     |
| 34 | Cấp giấy phép di dời đổi với công trình cấp cấp II ngoài đô thị, cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ. | 1.013232.000.00.00.H52 | Cấp huyện     | Trực tuyển, trực tiếp, bưu chính công ích |                          | x                      |                             |                                     |

| TT | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Mã số TTHC             | Cấp thực hiện | Cách thức thực hiện TTHC                  | Trực tuyến toàn trình[1] | Trực tuyến một phần[2] | Đề xuất nâng lên toàn trình | Không xác định là DVC trực tuyến[3] |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|---------------|-------------------------------------------|--------------------------|------------------------|-----------------------------|-------------------------------------|
| 35 | Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ. | 1.013226.000.00.00.H52 | Cấp huyện     | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích |                          | x                      |                             |                                     |
| 36 | Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo                                                                                              | 1.013227.000.00.00.H52 | Cấp huyện     | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích | x                        |                        |                             |                                     |

| TT        | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                                                                                                                                               | Mã số TTHC             | Cấp thực hiện | Cách thức thực hiện TTHC                  | Trực tuyển toàn trình[1] | Trực tuyển một phần[2] | Đề xuất nâng lên toàn trình | Không xác định là DVC trực tuyển[3] |
|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|---------------|-------------------------------------------|--------------------------|------------------------|-----------------------------|-------------------------------------|
|           | tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.                                                                                                                                                                                                                |                        |               |                                           |                          |                        |                             |                                     |
| 37        | Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ. | 1.013228.000.00.00.H52 | Cấp huyện     | Trực tuyển, trực tiếp, bưu chính công ích | x                        |                        |                             |                                     |
| <b>VI</b> | <b>LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG</b>                                                                                                                                                                                                                                                                   |                        |               |                                           |                          |                        |                             |                                     |
| 38        | Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình                                                                                                                                                                                                                                                   | 1.009794.000.00.00.H52 | Cấp huyện     | Trực tuyển, trực tiếp, bưu chính công ích |                          | x                      |                             |                                     |

| TT       | Tên thủ tục hành chính                                                                                                     | Mã số TTHC             | Cấp thực hiện | Cách thức thực hiện TTHC      | Trực tuyến toàn trình[1] | Trực tuyến một phần[2] | Đề xuất nâng lên toàn trình | Không xác định là DVC trực tuyến[3] |
|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|---------------|-------------------------------|--------------------------|------------------------|-----------------------------|-------------------------------------|
|          | của cơ quan chuyên môn về xây dựng tại địa phương                                                                          |                        |               |                               |                          |                        |                             |                                     |
| <b>C</b> | <b>CẤP XÃ: 16 TTHC</b>                                                                                                     |                        |               |                               |                          |                        |                             |                                     |
| <b>I</b> | <b>LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ</b>                                                                                                   |                        |               |                               |                          |                        |                             |                                     |
| 1        | Chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức thi công của nút giao đầu nối vào các tuyến đường do UBND cấp xã quản lý | 1.001046.000.00.00.H52 | Cấp xã        | Trực tiếp, bưu chính công ích |                          |                        |                             | x                                   |
| 2        | Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào các tuyến đường do UBND cấp xã quản lý                                              | 1.001061.000.00.00.H52 | Cấp xã        | Trực tiếp, bưu chính công ích |                          |                        |                             | x                                   |

| <b>TT</b> | <b>Tên thủ tục hành chính</b>                                                                                                                                           | <b>Mã số TTHC</b>      | <b>Cấp thực hiện</b> | <b>Cách thức thực hiện TTHC</b>           | <b>Trực tuyến toàn trình[1]</b> | <b>Trực tuyến một phần[2]</b> | <b>Đề xuất nâng lên toàn trình</b> | <b>Không xác định là DVC trực tuyến[3]</b> |
|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|----------------------|-------------------------------------------|---------------------------------|-------------------------------|------------------------------------|--------------------------------------------|
| 3         | Chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ do UBND xã quản lý | 2.001963.000.00.00.H52 | Cấp xã               | Trực tiếp, bưu chính công ích             |                                 |                               |                                    | x                                          |
| 4         | Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác                                                                                                          | 1.013274.H52           | Cấp xã               | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích |                                 | x                             |                                    |                                            |
| 5         | Chấp thuận vị trí đầu nối tạm vào đường bộ đang khai thác                                                                                                               | 1.000314.000.00.00.H52 | Cấp xã               | Trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích |                                 | x                             |                                    |                                            |

[illegible]

| TT | Tên thủ tục hành chính                                                                                                | Mã số TTHC             | Cấp thực hiện | Cách thức thực hiện TTHC                  | Trực tuyến toàn trình[1] | Trực tuyến một phần[2] | Đề xuất nâng lên toàn trình | Không xác định là DVC trực tuyến[3] |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|---------------|-------------------------------------------|--------------------------|------------------------|-----------------------------|-------------------------------------|
| 8  | Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa                                | 1.004088.000.00.00.H52 | Cấp xã        | Trực tuyến, Trực tiếp, bưu chính công ích | x                        |                        |                             |                                     |
| 9  | Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa                                | 1.004047.000.00.00.H52 | Cấp xã        | Trực tuyến, Trực tiếp, bưu chính công ích | x                        |                        |                             |                                     |
| 10 | Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật                                 | 2.001711.000.00.00.H52 | Cấp xã        | Trực tuyến, Trực tiếp, bưu chính công ích | x                        |                        |                             |                                     |
| 11 | Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa | 1.004036.000.00.00.H52 | Cấp xã        | Trực tuyến, Trực tiếp, bưu chính công ích | x                        |                        |                             |                                     |

| <b>TT</b> | <b>Tên thủ tục hành chính</b>                                                                                                                                         | <b>Mã số TTHC</b>      | <b>Cấp thực hiện</b> | <b>Cách thức thực hiện TTHC</b>           | <b>Trực tuyến toàn trình[1]</b> | <b>Trực tuyến một phần[2]</b> | <b>Đề xuất nâng lên toàn trình</b> | <b>Không xác định là DVC trực tuyến[3]</b> |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|----------------------|-------------------------------------------|---------------------------------|-------------------------------|------------------------------------|--------------------------------------------|
| 12        | Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện                                             | 1.004002.000.00.00.H52 | Cấp xã               | Trực tuyến, Trực tiếp, bưu chính công ích | x                               |                               |                                    |                                            |
| 13        | Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện                                               | 1.003970.000.00.00.H52 | Cấp xã               | Trực tuyến, Trực tiếp, bưu chính công ích | x                               |                               |                                    |                                            |
| 14        | Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác | 1.006391.000.00.00.H52 | Cấp xã               | Trực tuyến, Trực tiếp, bưu chính công ích | x                               |                               |                                    |                                            |

